

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

Số: 2207/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 13/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong phát triển sản phẩm OCOP, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 483/TTr-SNN ngày 29/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường; Thủ

trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, CN-XD, KG-VX, TH-NV; BTCĐ-NC và TT. TH - CB;
- Lưu: VT, NN. *CA*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *rat*

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện



KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025

(Kèm theo Quyết định số **2207/QĐ-UBND** ngày **14** tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm đến năm 2025 (gọi tắt là Chương trình OCOP), đảm bảo đúng tiến độ thời gian và hiệu quả theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Yêu cầu

Xác định rõ trách nhiệm các sở, ngành, địa phương và nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện. Chủ động, quyết tâm và phối hợp thường xuyên, thống nhất giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện. Triển khai Chương trình OCOP có hiệu quả, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân cư, góp phần hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển sản phẩm OCOP nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025, phấn đấu có ít nhất 165 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên.

b) Củng cố và nâng cấp ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông thôn.

c) Ưu tiên phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phần đầu ít nhất có 30% chủ thể OCOP là hợp tác xã, 50% chủ thể OCOP là doanh nghiệp, công ty và hộ kinh doanh.

d) Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng.

đ) Có ít nhất 10% làng nghề có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề địa phương.

e) Có ít nhất 50% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi; sàn giao dịch thương mại điện tử...); phần đầu xây dựng 01 Nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm OCOP của tỉnh.

g) Có ít nhất 01 dự án về Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch được hình thành và triển khai thực hiện.

h) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu ít nhất 05 sản phẩm và hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu ít nhất 10 sản phẩm.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thông tin, tuyên truyền Chương trình OCOP

a) Tiếp tục thông tin, tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung Chương trình OCOP, Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng phóng sự và chuyên mục về Chương trình OCOP phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh. Thường xuyên xây dựng các bài viết tuyên truyền về sản phẩm OCOP và Chương trình OCOP của tỉnh.

c) Quản lý cơ sở dữ liệu các sản phẩm OCOP và giới thiệu, quảng bá trên website Chương trình nông thôn mới của tỉnh.

d) Tổ chức hội nghị chuyên đề, hội thảo diễn đàn liên kết tiêu thụ sản phẩm OCOP, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

2. Triển khai thực hiện Chương trình OCOP

a) Triển khai Chương trình OCOP thường niên đảm bảo nguyên tắc: Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, ban hành cơ chế, chính sách, định hướng quản lý, giám sát, hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm.

b) Rà soát, đánh giá tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm OCOP gắn với thế mạnh, lợi thế của địa phương. Tiêu chuẩn hóa các sản phẩm hiện có đảm bảo mục tiêu đề ra, bao gồm: Nhóm thực phẩm; nhóm đồ uống, nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu; nhóm hàng thủ công mỹ nghệ; nhóm sinh vật cảnh; nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

c) Khuyến khích hỗ trợ, hướng dẫn các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP, đa dạng hóa sản phẩm hàng hóa.

d) Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện, cấp tỉnh và đăng ký sản phẩm cấp quốc gia; công bố kết quả xếp hạng sản phẩm OCOP tỉnh hàng năm.

3. Tổ chức sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng

a) Ưu tiên đầu tư hợp lý cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất của người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực đồng bào dân tộc, góp phần phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, dược liệu đặc trưng được cấp mã số vùng trồng, theo hướng sản xuất hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, duy trì cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường.

c) Tăng cường liên kết bền vững, khả năng truy xuất nguồn gốc giữa chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP với vùng nguyên liệu.

4. Chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế về điều kiện sản xuất và yêu cầu thị trường

a) Đẩy mạnh chuẩn hóa sản phẩm gắn với lợi thế và điều kiện của từng địa phương, bao gồm:

- Các đặc sản, sản phẩm truyền thống gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, giá trị văn hóa địa phương, đặc biệt là sản phẩm các làng nghề, nghề truyền thống, dịch vụ du lịch nông thôn.

- Các sản phẩm mới được hình thành dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ, nền tảng lợi thế của địa phương, có chất lượng nổi trội, đặc sắc; trong đó ưu tiên: (i) Sản phẩm tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống được các nghệ nhân, cộng đồng sáng tạo; (ii) Sản phẩm được chế biến, chế biến sâu từ sản phẩm đặc sản, nguyên liệu địa phương và tri thức bản địa nhằm nâng cao giá trị sản phẩm; (iii) Sản phẩm có đóng góp vào bảo tồn văn hóa truyền thống.

- Hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia Chương trình theo Bộ Tiêu chí OCOP.

b) Phát triển sản phẩm OCOP theo 6 nhóm, ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ đặc sắc, truyền thống và có lợi thế ở mỗi địa phương, theo hướng phát huy nội lực (trí tuệ sáng tạo, lao động, nguyên liệu, văn hóa địa phương...), gia tăng giá trị, gắn với phát triển cộng đồng:

- Đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm OCOP.

- Sản xuất theo quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, hình thành các sản phẩm OCOP đặc trưng, chất lượng và an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu của thị trường; xây dựng các mô hình phát triển vùng nguyên liệu gắn với sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng nguyên liệu, sản phẩm OCOP đặc trưng của địa phương.

- Nâng cấp và hoàn thiện sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng (đạt 3 sao trở lên) gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Xây dựng tiêu chuẩn phát triển sản phẩm OCOP xanh theo hướng kinh tế tuần hoàn gắn với thị trường xuất khẩu, dựa trên lợi thế đặc hữu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng khu vực.

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động cho chủ thể OCOP

- Tăng cường nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về năng lực cộng đồng và tinh thần hợp tác; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, kỹ năng quản trị; đổi mới, sáng tạo về sản phẩm; quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu mã sản phẩm; sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm từ khu vực nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với chuỗi liên kết giá trị sản phẩm OCOP.

5. Về quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu

a) Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, sự kiện tôn vinh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP đặc sắc thường niên gắn với văn hóa cấp quốc gia, cấp vùng, địa phương và quốc tế; thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm OCOP gắn với thị trường du lịch trọng điểm.

b) Xây dựng và quản lý đồng bộ, hiệu quả thương hiệu OCOP Việt Nam (nhãn hiệu chứng nhận), tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ, nâng cao hình ảnh, khả năng nhận diện và giá trị sản phẩm OCOP trên thị trường.

c) Xây dựng hệ thống phân phối phù hợp, từng bước thiết lập hệ thống giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc sản địa phương.

d) Mở rộng kênh mua sắm thông qua việc kết nối khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm sản phẩm tại nơi sản xuất, điểm du lịch trên địa bàn.

6. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP

a) Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên, tăng cường áp dụng công nghệ trong tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

b) Xây dựng và triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia quản lý và giám sát sản phẩm OCOP đồng bộ và thống nhất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quản lý, giám sát, thúc đẩy kết nối cung - cầu sản phẩm.

c) Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát việc áp dụng chính sách, quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm ở các địa phương, duy trì điều kiện sản xuất của các chủ thể và chất lượng sản phẩm OCOP sau khi được đánh giá, công nhận.

d) Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về quy trình giám sát và đánh giá sản phẩm OCOP.

7. Nâng cao năng lực hệ thống hỗ trợ triển khai Chương trình

a) Xây dựng tiêu chí và tổ chức quản lý, giám sát mạng lưới tư vấn nhằm hình thành mạng lưới tư vấn Chương trình OCOP chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, năng lực toàn diện, đoàn kết và thống nhất trong hỗ trợ triển khai Chương trình.

b) Nâng cao năng lực hệ thống các cơ sở đào tạo nghề cho lao động gắn với Chương trình OCOP; các trung tâm thiết kế, sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP; tăng cường năng lực hệ thống cán bộ nông nghiệp các địa phương (hệ thống khuyến nông, khuyến công,...) để hỗ trợ, triển khai Chương trình OCOP.

c) Thúc đẩy phong trào phụ nữ, thanh niên khởi nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp gắn với phát triển sản phẩm OCOP.

8. Tăng cường chuyển đổi số

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, trong: truyền thông đa phương tiện về Chương trình OCOP; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị OCOP, gắn với giám sát - chứng thực của công tác quản lý nhà nước.

b) Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP, hình thành các sàn thương mại điện tử quy mô lớn, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream), đặc biệt cho các sản phẩm có quy mô nhỏ, sản phẩm đặc sản địa phương.

c) Triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân” nhằm tối ưu hóa ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại sản phẩm OCOP.

IV. NGUỒN VỐN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình OCOP, bao gồm

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong tổng nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm theo quy định.

b) Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn xã hội hóa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của các cấp được giao hàng năm.

3. Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật liên quan.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cấp xã, ấp; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

b) Tập trung nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy cho các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng thông qua các hội nghị triển khai Chương trình OCOP; đa dạng hóa các hình thức truyền thông, qua các công thông tin điện tử (website), truyền thông mạng xã hội, tạp chí, bản tin, chuyên đề, tài liệu (sổ tay, cẩm nang...).

c) Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng các gói combo quà tặng, quà lưu niệm sản phẩm OCOP, gắn với lịch sử văn hóa của địa phương.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ

a) Rà soát, ban hành nội dung, mức hỗ trợ Chương trình OCOP theo từng hạng sao; ưu tiên hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm, hướng dẫn, xây dựng hồ sơ sản phẩm; phát triển vùng nguyên liệu địa phương; xây dựng chuỗi giá trị; hỗ trợ cơ sở hạ tầng sản xuất, máy móc, thiết bị chế biến quy mô nhỏ và vừa phù hợp với điều kiện của tỉnh; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; đào tạo nghề cho lao động và nâng cao năng lực cộng đồng; sở hữu trí tuệ; bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc; xây dựng câu chuyện sản phẩm; hoạt động quảng bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; tổ chức đánh giá, phân hạng và giám sát sản phẩm OCOP.

b) Rà soát, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế hỗ trợ các điểm, trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, ưu tiên xã hội hóa.

3. Tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực

a) Tổ chức triển khai Chương trình OCOP theo tổ chức bộ máy của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ triển khai Chương trình OCOP và chất lượng công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP từ tỉnh đến huyện, xã.

c) Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực về quản trị, marketing cho các bộ quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, hợp tác xã,

các cơ sở và hộ sản xuất; đào tạo kỹ năng làm nông nghiệp cho thành niên, đào tạo lao động gắn với nhu cầu sản xuất sản phẩm OCOP.

4. Tổ chức triển khai Chu trình OCOP thường niên

Triển khai Chu trình OCOP thường niên linh hoạt, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của sản phẩm, phát huy các điều kiện về nguồn nguyên liệu, lao động địa phương, lợi thế về chất lượng sản phẩm.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ

a) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận đạt sao.

b) Tăng cường chuyển giao ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học xã hội và nhân văn trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa bản địa.

c) Thúc đẩy áp dụng các giải pháp về bảo hộ và khai thác hiệu quả giá trị tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận) cho sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm OCOP cấp quốc gia.

6. Tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP

a) Nâng cao vai trò của các hội, hiệp hội trong triển khai Chương trình OCOP, khai thác và phát triển sản phẩm của địa phương gắn với bảo tồn sản phẩm, kỹ năng truyền thống, danh tiếng của cộng đồng.

b) Đẩy mạnh giám sát của cộng đồng về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu; duy trì sự đặc sắc, nét văn hóa của các sản phẩm địa phương; thúc đẩy sự tham gia và có cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp của cộng đồng vào sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP; phát triển vùng sản xuất nguyên liệu, sử dụng lao động địa phương.

7. Xây dựng và triển khai các dự án thành phần

a) Mô hình thí điểm xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ.

b) Mô hình thí điểm phát triển nhóm sản phẩm OCOP dịch vụ du lịch cộng đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, tổ chức họp Hội đồng và Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan xây dựng hướng dẫn triển khai Chương trình OCOP; rà soát các nội dung,

nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo với nội dung, nhiệm vụ của các Chương trình chuyên đề khác và các chương trình, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xây dựng hệ thống quản lý, giám sát và thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình OCOP ở các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan xác định nhu cầu kinh phí thực hiện, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương bố trí cho ngân sách địa phương hàng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan xác định nhu cầu kinh phí sự nghiệp thực hiện, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP: thực hiện theo quy định tại Điều 6 quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn Chương trình OCOP; tổ chức quản lý và quảng bá, thúc đẩy sản phẩm OCOP.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan xây dựng và triển khai các dự án, đề án ưu tiên theo quy định của pháp luật.

g) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp, báo cáo các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp, xem xét, phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình vào kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

a) Xem xét, tổng hợp nhu cầu, đề xuất phân bổ nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP: thực hiện theo quy định tại Điều 6 quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Tùy theo khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất kinh phí của sở, ngành, địa phương có liên quan, Sở Tài chính tham mưu trình cấp thẩm

quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện các quy định điểm bán hàng OCOP phù hợp với yêu cầu, bối cảnh mới.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý; đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan hỗ trợ các tổ chức kinh tế phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực tiếp cận thị trường; lồng ghép, ưu tiên hỗ trợ các chủ thể OCOP ứng dụng công nghệ, máy móc thiết bị từ nguồn khuyến công; thực hiện có hiệu quả hoạt động công tác xúc tiến thương mại sản phẩm trong Chương trình OCOP.

d) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tham gia các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế thiết kế sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đơn vị sản xuất và cán bộ quản lý các cấp về sở hữu trí tuệ, hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong Chương trình OCOP.

c) Hỗ trợ các địa phương và các tổ chức kinh tế phát triển, đăng ký xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm OCOP; hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP; triển khai, thực hiện các đề tài, dự án (*dựa trên nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế OCOP*) nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP.

d) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tham gia các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

6. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị sản xuất hoàn thiện hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm và tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản

lý của ngành Y tế; đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho các đơn vị sản xuất và cán bộ quản lý các cấp về vệ sinh an toàn thực phẩm.

c) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tham gia các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tạo điều kiện để các sản phẩm OCOP tiêu biểu của tỉnh tham gia các sự kiện về du lịch cấp quốc gia, quốc tế.

b) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan hướng dẫn xây dựng điểm du lịch và tham gia các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

8. Sở Giao thông vận tải

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ sản phẩm OCOP tại các trạm, điểm dừng nghỉ, trên các tuyến giao thông.

9. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình trong tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung, mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình OCOP đối với phát triển kinh tế nông thôn. Giới thiệu, quảng bá các sản phẩm OCOP trên các sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp bưu chính để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và thúc đẩy thương mại điện tử phát triển.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường chuyển đổi số trong Chương trình OCOP.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sản phẩm OCOP; hướng dẫn các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định; phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

b) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan tham gia các kỳ đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP.

11. Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao tích cực triển khai, phối hợp thực hiện các nội dung theo Kế hoạch.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai Chương trình OCOP hàng năm; tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất tham gia Chương trình trên địa bàn.

b) Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền các nội dung của Chương trình đến các cơ quan, tổ chức kinh tế, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

c) Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn có phương án khuyến khích phong trào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực, làng nghề và đặc sản truyền thống của địa phương hướng tới phát triển thành sản phẩm OCOP.

d) Bố trí kinh phí, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại địa phương.

đ) Thường xuyên phối hợp với cơ quan, đơn vị chuyên môn để tổ chức triển khai tốt Chương trình OCOP trên địa bàn.

e) Tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện để chọn sản phẩm tham gia đánh giá và phân hạng cấp tỉnh.

g) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phân công cán bộ phụ trách triển khai Chương trình OCOP cấp xã.

- Tham gia vào các hoạt động triển khai Chương trình OCOP cấp xã theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; chủ động rà soát các sản phẩm tiềm năng trên địa bàn và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình.

- Chủ động tuyên truyền cho các tổ chức kinh tế, người dân về ý nghĩa, các chính sách hỗ trợ của Chương trình OCOP, tích cực hỗ trợ, tư vấn cho các tổ chức kinh tế chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia Chương trình OCOP.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, xử lý./.